TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2024/HCPT
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
"V/v khiếu kiện đối với hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;
Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 93/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 02 năm 2024 về "Khiếu kiện đối với hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6229/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số G Lô D Khu tái định cư V, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Bà Trần Kim D, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số B phố V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị Kim X và bà Đinh Thị L, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số B phố V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Vũ Đình T1, Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A phố T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Đức H, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Công ty TNHH P; địa chỉ: Số C T, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vô S, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

3. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1963; vắng mặt.

4. Anh Bùi Hữu T3, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Số G Lô D, Khu tái định cư V, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng.

5. Anh Bùi Hữu B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số H, Lô D, Khu tái định cư V, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Bùi Hữu D1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, Lô D, Khu tái định cư V, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Bùi Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Bùi Hữu T*, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Gia đình ông Bùi Hữu T có mảnh đất khoảng 9.000m^2 tại khu K, phường S, quận H; nguồn gốc đất là do bà G (mẹ đẻ ông T) khai hoang sử dụng từ năm 1959, năm 1985 bà G cho ông T quản lý sử dụng đến nay. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông T đã bán cho một số gia đình khác diện tích 4.500m^2 và ông T có phân chia cho các con và làm nhà ở trên một phần thửa đất. Nguồn gốc đất của gia đình được ghi nhận tại Văn bản số 39/UBND-ĐC ngày 28/12/2017; theo văn bản này thì Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường S đã thừa nhận là bản đồ địa chính phường S, sổ mục kê ghi sai loại đất do lỗi khi đo đạc và đề nghị hiệu chỉnh hồ sơ địa chính gốc đối với phần diện tích của gia đình ông. Năm 2017, UBND quận H thu hồi diện tích 3.637,7m^2 thuộc các thửa đất số 6, số 8, số 26 tờ bản đồ số 31, 32, 39 bản đồ địa chính phường S của gia đình ông T để thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, UBND quận H đã ban hành Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất ở và đầm của ông T; ngày 26/01/2018, UBND quận H ban hành Quyết định số 104a/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông T. Sau khi nhận văn bản trên, ông T làm đơn tố cáo gửi Chủ

tịch UBND quận H về những nội dung trong các quyết định và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông T. Ngày 03/10/2019 Chủ tịch UBND quận H ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 1359/KL-CT, có nội dung ghi nhận tố cáo của ông là đúng và UBND quận H yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất quận H: Hoàn thiện, bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm công việc đối với 02 nhân khẩu còn thiếu tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần tích diện 3.637,7m^2 đầm của hộ ông Bùi Hữu T bị thu hồi. Chủ trì việc chi trả tiền bồi thường còn thiếu của cụm hộ ông Bùi Hữu T, với số tiền 666.733.369 đồng và số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung được phê duyệt.

Ngày 08/11/2019, UBND quận H ban hành Quyết định số 2347/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả (Căn cứ nội dung Kết luận 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H); theo quyết định này, mức tổng kinh phí được duyệt là 351.777.600 đồng.

Ngày 17/02/2020, UBND quận H ban hành Thông báo số 57/TB-UBND thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND quận H giao Trung tâm phát triển quỹ đất của quận thực hiện công việc trả tiền cho ông T theo Kết luận nội dung tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của UBND quận H; thời gian thực hiện trước ngày 20/02/2020.

Từ khi có Kết luận giải quyết tố cáo số 1359/KL-CT đến thời điểm ông T có yêu cầu trả tiền, những nội dung quan trọng tại Kết luận tố cáo vẫn chưa được Trung tâm phát triển quỹ đất quận H triển khai. Ông T đã gửi rất nhiều đơn đề nghị, đến làm việc trực tiếp với Ban tiếp công dân, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận và UBND quận H để yêu cầu thực hiện nhưng Trung tâm Phát triển quỹ đất quận chỉ trả lời: "*Trung tâm Phát triển quỹ đất chưa có tiền để chi trả cho ông* T. *Khi nào* Công ty TNHH P – *Chủ đầu tư Dự án chuyển tiền thì Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ thực hiện việc thanh toán cho ông* Bùi Hữu T".

Như vậy, hành vi không thực hiện chi trả tiền theo Kết luận tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H; Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019; Thông báo số 57/TB-UBND ngày 17/02/2020 của UBND quận H đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T. Việc UBND quận H và Trung tâm Phát triển quỹ đất quận H không thực hiện trách nhiệm, đùn đẩy việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông T sang Công ty TNHH P1 không đúng vì Công ty không có nghĩa vụ trả tiền.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu: Buộc UBND quận H thực hiện Kết luận tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H, cụ thể:

1. Tính khoản hỗ trợ còn thiếu tại phương án bồi thường hỗ trợ phần diện tích 3.637,7m^2 đầm (theo Kết luận 1359/KL-CT ngày 03/10/2019). Theo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB hộ gia đình ông T gồm 05 nhân khẩu, mới chỉ được ghi nhận 02 khoản, đó là: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên UBND quận H còn tính thiếu của hộ gia đình ông T những khoản sau:

a. Theo khoản 1 Điều 20 Quyết định 2680/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H: "*Hỗ trợ đối với nhân khẩu có tên trong Sổ hộ khẩu và thực tế ăn ở trong hộ gia đình có đất ở bị thu hồi tại thời điểm có quyết định thu hồi đất được hỗ trợ đối với nhân khẩu có tên trong Sổ hộ khẩu và thực tế ăn ở trong hộ gia đình có đất ở bị thu hồi là 3.000.000 đồng/khẩu*". Như vậy, hộ ông T được: 02 nhân khẩu x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

b. Theo các khoản 2, 3 và 4 Điều 25 Quyết định số 2680, hộ ông T được: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: (30kg x 15.000 đồng/kg x 12 tháng) x 02 = 10.800.000 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: (360m2 x 400.000 đồng) x 2 = 288.000.000 đồng; hỗ trợ di chuyển: 5.000.000 đồng/hộ x 02 hộ= 10.000.000 đồng; hỗ trợ tạm lánh: 12.000.000 đồng x 02 hộ = 24.000.000 đồng; hỗ trợ ổn định cuộc sống tại nơi tái định cư: 6.000.000 đồng x 2 hộ = 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 350.800.000 đồng (1).

2. Chi trả tiền số tiền bồi thường thiếu của cụm hộ ông T với số tiền 666.733.369 đồng (2) (theo Kết luận số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019).

3. Chi trả số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung được phê duyệt theo Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 là 351.777.600 đồng (3).

4. Thanh toán thêm một khoản tiền lãi bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013, như sau: Số tiền 350.800.000 đồng (tính từ ngày 03/10/2019 đến ngày 07/5/2021): 350.800.000 đồng x 583 ngày x 0,03% = 61.354.920 đồng; số tiền 666.733.369 đồng (tính từ ngày 03/10/2019 đến ngày 07/5/2021): 666.733.369 đồng x 583 ngày x 0,03% = 116.611.666 đồng; số tiền 351.777.600 đồng (tính từ ngày 08/11/2019 đến ngày 07/5/2021): 351.777.600 đồng x 548 ngày x 0,03% = 57.832.237 đồng. Tổng tiền lãi là 235.798.823 đồng (4).

5. Tổng cộng toàn bộ số tiền các mục: (1) + (2) + (3) + (4) = 1.605.109.792 đồng.

Người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện với lý do:

1. Không tính hạn mức đất ở cho hộ gia đình có 05 nhân khẩu theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND thành phố H:

"*2. Trường hợp thửa đất hộ gia đình đang sử dụng có 05 nhân khẩu trở lên hoặc thửa đất có nhiều hộ gia đình cùng sử dụng chung thì hạn mức công nhận đất*

ở quy định tại khoản 1 Điều này được xác định thêm theo nguyên tắc sau:

a) Từ nhân khẩu thứ 5 trở lên, mỗi nhân khẩu được cộng thêm 20% diện tích trong hạn mức quy định tại Điều này, đồng thời tổng số diện tích đang sử dụng theo hiện trạng được công nhận (bao gồm: diện tích đất công nhận trong hạn mức tại khoản 1 Điều này và diện tích được cộng thêm) không vượt quá 05 lần hạn mức công nhận;

b) Phần diện tích đất còn lại (nếu có) sau khi đã công nhận hạn mức đất ở thì mục đích sử dụng đất được xác định theo hiện trạng sử dụng đất;

c) Số hộ để xác định hạn mức công nhận đất ở để xét cấp Giấy chứng nhận tại thời điểm nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này là số hộ đang sử dụng chung thửa đất và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ của thửa đất theo Luật Cư trú";

Số nhân khẩu trong mỗi hộ được xác định theo sổ hộ khẩu được đăng ký thường trú theo quy định tại Luật Cư trú. Theo đó, hạn mức đất ở của hộ ông T là: 400m^2 + (05 nhân khẩu x 20% x 400m^2) = 800m^2.

Việc xác minh nguồn gốc đất dựa trên bản đồ địa chính lập năm 1995, trong khi đất được hình thành do khai hoang từ năm 1970 là không đảm bảo tính chính xác.

2. UBND quận không áp dụng giá bồi thường về đất 6.910.000 đồng/m^2 theo Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án chợ đầu mối rau, quả phường S mà áp dụng mức 3.000.000 đồng/m^2 đất ở là không đúng.

3. Đất trồng cây hàng năm nhưng UBND quận lại áp giá đất nuôi trồng thủy sản 80.000 đồng/m^2 và chỉ bồi thường cho 1.800m^2/3.637,7m^2 là không đúng quy định tại Điều 129 Luật Đất đai và Quyết định 2680/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H.

4. Tính ra số tiền còn thiếu là: (360m^2 x 05 nhân khẩu x 100.000 đồng) – 86.000.000 đồng + (2.557,7m^2 x 100.000 đồng) – 40.933.200 đồng = 94.000.000 đồng + 214.836.800 đồng = 308.836.800 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện rút lại 02 yêu cầu về: UBND quận H còn tính thiếu 01 nhân khẩu và chưa bồi thường chi phí vào đất khi thu hồi 4.700m^2 cho gia đình: 4.700m^2 x 80.000 đồng x 20% = 75.200.000 đồng.

- *Người bị kiện* UBND quận H*; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của* UBND quận H *và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch* UBND quận H *cùng thống nhất trình bày như sau:*

1. Về căn cứ pháp lý:

Ngày 26/12/2012, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Chợ đầu mối và khu nhà

ở phục vụ tái định cư Dự án khu đô thị xi măng H (phần sử dụng đất); Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ đầu mối thành phố tại phường S, quận H. Ngày 01/4/2014, UBND thành phố H có Văn bản số 2073/UBND-CT về việc đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở Hạ tầng kỹ thuật Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H. Ngày 09/7/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 1162/KH-DT-CNDV về việc đầu tư xây dựng Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H; nội dung đề xuất cho phép Công ty TNHH P lập dự án đầu tư xây dựng Chợ đầu mối theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được xây dựng. Ngày 06/2/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định 258/QĐ-UBND, Quyết định chủ trương đầu tư Dự án chợ đầu mối rau, quả phường S, quận H. Ngày 30/02/2017 UBND quận H ban hành Quyết định số 2100/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ đầu mối rau quả tại phường S. Ngày 22/3/2017 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 quận H. Ngày 09/8/2018 UBND thành phố ban hành Văn bản số 4852/UBND về việc triển khai xây dựng giai đoạn 1 dự án Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H; nội dung: "*Giao* Công ty TNHH P *phối hợp với* UBND quận H *đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục trước tháng 8/2017*".

UBND quận H đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định pháp luật.

2. Về nguồn gốc sử dụng đất và phương án bồi thường hỗ trợ.

2.1. Hộ ông Bùi Hữu T (đất đầm).

- Nguồn gốc sử dụng đất: Theo Trích lục nguồn gốc sử dụng đất ngày 30/9/2017: Diện tích đất 3.637,7m² thuộc thửa số 6 tờ bản đồ 32, thửa số 26 tờ bản đồ 31, thửa số 8 tờ bản đồ 39 là đất nuôi trồng thủy sản đứng tên chủ sử dụng đất trong Sổ mục kê là UBND phường S. Qua xác minh, hộ ông T khai hoang sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản từ năm 1985 đến nay.

- Theo Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 và phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông T, số nhân khẩu nông nghiệp của hộ ông T là 03 nhân khẩu nông nghiệp. Tuy nhiên, hộ ông T kiến nghị thêm 02 nhân khẩu nông nghiệp, ngày 03/10/2019 Chủ tịch UBND quận ban hành Kết luận số 1359/KL-CT có nội dung yêu cầu Trung tâm quỹ đất lập phương án bồi thường và hỗ trợ bổ sung thêm 02 nhân khẩu nông nghiệp. Ngày 08/11/2019, UBND quận ban hành Quyết định số 2347/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất xây dựng dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S với nội dung số nhân khẩu nông nghiệp của hộ Thứ là 05 người. Như vậy, UBND quận đã bổ sung, tính toán hỗ trợ 02 nhân khẩu nông nghiệp theo đúng quy định.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt theo 02 quyết định trên là

1.120.312.200 đồng.

2.2. Hộ ông Bùi Hữu T (đất ở):

- Nguồn gốc sử dụng đất: Theo trích lục nguồn gốc sử dụng đất ngày 26/01/2018, diện tích 219,3m^2 thuộc thửa đất số 8 + 10 + 138 tờ bản đồ số 39 và thửa 13 + 32 tờ bản đồ số 40 là đất ao, đứng tên UBND phường quản lý. Qua xác minh, hộ ông T khai hoang sử dụng vào mục đích đất ở 174,4m^2 từ năm 1985 đến nay, còn 44,9m^2 là đất ao và đất giao thông do UBND phường quản lý, hộ ông T sử dụng từ sau năm 1995 đến nay.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt theo quy định là 715.892.057 đồng.

2.3. Hộ ông Bùi Hữu B:

- Nguồn gốc sử dụng đất: Theo trích lục nguồn gốc sử dụng đất ngày 26/01/2018 diện tích đất 51,8m^2 thuộc thửa đất hộ ông D1 thuộc thửa số 8 + 10 + 138 tờ bản đồ số 39 và thửa 13 tờ bản đồ số 40 là đất ao, đứng tên UBND phường quản lý. Qua xác minh, đất do hộ ông T khai hoang sử dụng vào mục đích đất ở 42,0m^2 từ năm 1985, còn 9,9m^2 là đất ao và đất giao thông do UBND phường quản lý, hộ ông T sử dụng từ sau năm 1995 đến năm 2007 cho con trai là Bùi Hữu B sử dụng đến nay.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt theo quy định là 394.240.777 đồng.

2.4. Hộ ông Bùi Hữu D1:

- Nguồn gốc sử dụng đất: Theo trích lục nguồn gốc sử dụng đất ngày 26/01/2018 diện tích đất 59,5m^2 thuộc thửa đất hộ ông D1 thuộc thửa số 10 + 138 tờ bản đồ số 39 và thửa 13 + 32 tờ bản đồ số 40 là đất ao, đứng tên UBND phường quản lý. Qua xác minh, đất do hộ ông T khai hoang sử dụng vào mục đích để ở 47,9m^2 từ năm 1985, còn 11,7m^2 là đất ao và đất giao thông do UBND phường quản lý, hộ ông T sử dụng từ sau năm 1995, đến năm 2007 cho con trai là Bùi Hữu D1 sử dụng đến nay.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt theo quy định là 435.392.159 đồng.

2.5. Hộ ông Bùi Hữu T3:

- Nguồn gốc sử dụng đất: Theo trích lục nguồn gốc sử dụng đất ngày 26/01/2018 diện tích đất 74,2m^2 thuộc thửa đất hộ ông T3 thuộc thửa số 8 + 10 + 138 tờ bản đồ số 39 là đất ao, đứng tên UBND phường quản lý. Qua xác minh, đất do hộ ông T khai hoang sử dụng vào mục đích để ở 70,8m^2 từ năm 1985, còn 12,1m^2 là đất ao và đất giao thông do UBND phường quản lý, hộ ông T sử dụng từ sau năm 1995, đến năm 2007 cho con trai là Bùi Hữu T3 sử dụng đến nay.

TT	Họ tên chủ hộ	Diện tích thu hồi	Số tiền bồi thường
1	Bùi Hữu Thứ (đầm)	3.637,7m^2	1.120.312.200 đồng
2	Bùi Hữu Thứ (ở)	219,3m^2	715.892.057 đồng
3	Bùi Hữu Ba	51,8m^2	394.240.777 đồng

4	Bùi Hữu Dần	59,5m^2	453.392.159 đồng
5	Bùi Hữu Tùng	74,2m^2	274.414.376 đồng
6	Tổng		2.940.251.569 đồng

- Số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quy định là 274.414.376 đồng.

- Số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND quận phê duyệt theo Quyết định số 104a ngày 26/01/2018; quyết định 2347 ngày 08/11/2019 là:

3. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Tại thời điểm thực hiện dự án, Công ty TNHH P - Chủ đầu tư thực hiện Dự án chợ đầu mối rau, quả không chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ về UBND quận H để chi trả mà trực tiếp trả cho các hộ dân theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND quận H phê duyệt.

Theo hồ sơ Công ty P cung cấp về việc chi trả tiền cho cụm hộ ông T đã nhận thực tế như sau: Ngày 20/12/2017, cụm hộ ông T nhận 1.000.000.000 đồng từ Công ty TNHH P (có biên bản kèm theo). Ngày 23/01/2018, cụm hộ ông T nhận 928.638.000 đồng Công ty TNHH P (có biên bản kèm theo). Tổng số tiền cụm hộ ông T đã nhận theo 02 đợt là: 1.928.638.000 đồng. Đối chiếu với số tiền bồi thường, hỗ trợ và số tiền cụm hộ ông Bùi Hữu T đã nhận thì UBND quận còn thiếu của hộ ông T là 1.011.613.569 (một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm mười ba nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) theo nội dung Kết luận số 1359/KL-CT của Chủ tịch UBND quận H.

Để đảm bảo quyền lợi cho cụm hộ ông T, UBND quận H đã có Văn bản số 1826 ngày 30/12/2019 đề nghị Công ty TNHH P chuyển số tiền bồi thường còn thiếu về Trung tâm phát triển quỹ đất là 1.011.613.569 đồng (bao gồm số tiền theo Quyết định phê duyệt bổ sung 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 là 344.880.000 đồng và số tiền chi trả còn thiếu theo Quyết định 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 là 666.733.369 đồng). Tuy nhiên ngày 06/01/2020 Công ty TNHH P đã có Văn bản số 01/2020/CV-PĐ nêu rõ phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản, gia đình ông T đã chuyển nhượng cho Công ty nên Công ty không chấp nhận chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ còn thiếu theo xác định tại Kết luận số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận H thống nhất cho rằng, phía UBND quận không có căn cứ pháp lý xác định giá đất cụ thể là 3.000.000 đồng/m^2 áp dụng bồi thường đất ở cho hộ ông T. Đề nghị hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng số 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND quận H về phương án bồi thường đối với hộ gia đình ông T và các quyết định hành chính liên quan để giải quyết lại toàn bộ vụ việc, lập phương án bồi thường mới đối với hộ gia đình ông T.

- Tại Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 05/10/2022, các văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P *(Công ty) trình bày:*

Năm 2016, Công ty có gặp gia đình ông T, qua trao đổi biết gia đình ông T có nhu cầu bán diện tích đầm nuôi trồng thủy sản. Xét thấy, việc nhận chuyển nhượng trước diện tích đầm nuôi trồng thủy sản này sẽ giúp Công ty G1 được thời gian giải phóng mặt bằng khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư nên Công ty đồng ý nhận chuyển nhượng 7.800m^2 đầm nuôi trông thủy sản nêu trên của gia đình ông T, việc mua bán chuyển nhượng được các bên lập thành văn bản (không có công chứng, chứng thực), Công ty đã thanh toán tiền cho gia đình ông T vào ngày 28/11/2016 và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận theo biên bản.

Vì đã nhận chuyển nhượng nên khi phối hợp với UBND quận H thu hồi phần đất đã nhận chuyển nhượng của gia đình ông T vào cuối năm 2017, Công ty đã yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất quận không bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích 3.637,7m^2/7.800m^2 đất nông nghiệp này vì gia đình ông T không còn đất nông nghiệp.

Việc gia đình ông T gửi đơn thư tố cáo, cho rằng vào thời điểm quận H tiến hành thu hồi đất (cuối năm 2017) vẫn còn là người quản lý, sử dụng đối với diện tích 3.637,7m^2 đầm là việc cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm trục lợi ngân sách Nhà nước thông qua chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng. Thực tế, kể từ sau ngày 28/11/2016 Công ty đã quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Khi UBND quận H thụ lý đơn thư tố cáo của ông T thì Công ty đã giải thích, đưa ra đầy đủ các bằng chứng vụ việc nhưng tại phần 2 của Kết luận nội dung tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận cho rằng Biên bản chuyển nhượng ngày 28/11/2016 không đủ điều kiện để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ việc là trái nguyên tắc giải quyết tố cáo (Cụ thể là: việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục…) và vượt quá giới hạn về thẩm quyền khi xem xét, giải quyết luôn quan hệ pháp luật về dân sự (tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất) giữa ông T với Công ty TNHH P. Từ đó, Chủ tịch UBND quận H kết luận chấp nhận tố cáo của ông T về việc Trung tâm phát quỹ đất chưa lập phương án hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho 02 nhân khẩu còn thiếu của gia đình ông T và chưa chi trả khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đối với việc thu hồi 3.637,7m^2 đất nông nghiệp theo phương án bồi thường đã lập; yêu cầu Trung tâm phát triển quỹ đất hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ tìm kiếm việc làm thêm cho 02 nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình ông T và chủ trì việc chi trả tiền bồi thường còn thiếu theo phương án bồi thường, bổ sung được phê duyệt. Sau đó, UBND quận H căn cứ vào kết luận tố cáo không đúng này để ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung số 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019

là không có cơ sở, cần phải bị hủy bỏ.

Đối với yêu cầu buộc UBND quận H thực hiện hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho 02 nhân khẩu còn thiếu và khoản chi trả tiền bồi thường còn thiếu theo Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 và Quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ số 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H cho hộ ông T là không có cơ sở chấp nhận vì thời điểm Trung tâm Phát triển quỹ đất quận H lập phương án bồi thường và phương án bồi thường bổ sung thì gia đình ông T không còn có 3.637,7m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi như trong các phương án đã lập (vì đã chuyển nhượng).

Do đó, Công ty TNHH P có quan điểm và yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

1. Không chấp nhận nội dung khởi kiện của T về việc buộc UBND quận H thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 và Quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ số 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H.

2. Yêu cầu hủy Kết luận nội dung tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H; Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND quận H đối với phương án đầm của hộ ông T. Khi lập phương án bồi thường mới phải có kết quả giải quyết tranh chấp 3.637,7m^2/7800m^2 đầm mà ông T đã chuyển nhượng cho Công ty H2 có phán quyết đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a, b khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu T; tuyên hủy một phần Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện Dự án xây xựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H đối với Phương án bồi thường, hỗ trợ đất ở (219,30m^2) ngày 26/01/2018 của hộ gia đình ông Bùi Hữu T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu T về việc buộc UBND quận H thực hiện Kết luận tố cáo số 1359/KL-TC ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H; tính toán thêm khoản hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho 02 nhân khẩu nông nghiệp còn thiếu, chi trả tiền bồi

thường còn thiếu và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức chậm trả theo quy định.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH P; tuyên hủy Kết luận tố cáo 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H; hủy Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H về việc phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với Phương án bồi thường điều chỉnh, bổ sung ngày 06/11/2019 của hộ ông Bùi Hữu T; hủy một phần Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với Phương án bồi thường, hỗ trợ đầm (3.673,7m^2) ngày 20/10/2017 của hộ gia đình ông Bùi Hữu T.

4. Buộc UBND quận H thực hiện việc lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện xây dựng Dự án chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với hộ gia đình ông Bùi Hữu T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 05/10/2023, người khởi kiện ông Bùi Hữu T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH P) là không khách quan, không công bằng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Bùi Hữu T giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Kết luận tố cáo số 1359/KL-TC ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Hải Phòng là hoàn toàn có căn cứ, các nội dung đã được kết luận là rõ ràng, được UBND quận H thừa nhận tại Văn bản số 1739/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 và tại phiên toà sơ thẩm ngày 24/8/2023 cũng đã đồng ý chi trả tiền cho gia đình ông T. Việc mua bán thửa đất giữa gia đình ông T với Công ty TNHH P1 không có nên không có cơ sở xác định diện tích 3.673,7m^2 thuộc các thửa đất số 06, 08, 26 tờ bản đồ số 31,32, 39 bản đồ địa chính phường S, quận H đã được mua bán như Công ty TNHH P trình bày. Khi UBND quận H thực hiện việc kiểm đếm, thu hồi đất theo Thông báo thu hồi đất số 307/TB-UBND ngày 02/6/2017 và Quyết định thu hồi đất số 1896/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 thì Công ty TNHH P không có ý kiến gì; đến khi gia đình ông T có tố cáo về việc không chi trả tiền bồi thường thì mới có ý kiến cho rằng thửa đất gia đình ông T đã bán nên không bồi thường nên yêu cầu của Công ty đã hết thời hiệu

khởi kiện. Trong Kết luận số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 đã khẳng định Biên bản chuyển nhượng diện tích đầm 7.830m^2 lập ngày 28/11/2016 giữa ông T, bà T2 với Công ty TNHH P1 không có căn cứ nên yêu cầu độc lập của Công ty TNHH P1 không có căn cứ. Ông T khởi kiện hành vi hành chính trong hoạt động thu hồi đất của UBND quận H nhưng bản án sơ thẩm không tuyên rõ trách nhiệm của UBND quận H trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty TNHH P; tuyên buộc UBND quận H có trách nhiệm chi trả tiền đền bù, hỗ trợ cho gia đình ông T theo đúng Kết luận tố cáo số 1359/KL-TC ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và bổ sung khoản tiền bồi thường, hỗ trợ còn thiếu cho cụm hộ gia đình ông T theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Hữu T là trong hạn và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Hữu T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Bùi Hữu T là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02. Nhận thấy, những người này không có kháng cáo, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Người khởi kiện ông Bùi Hữu T khởi kiện đối với hành vi không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong hoạt động thu hồi đất của UBND quận H; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty TNHH P có yêu cầu độc lập yêu cầu huỷ các quyết định, văn bản có liên quan của UBND và của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Hải Phòng và các quyết định này đang được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện liên quan đến hoạt động chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình người khởi kiện. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu UBND quận H thực hiện Kết luận tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và yêu cầu độc lập của Công ty TNHH P liên quan đến việc tranh chấp bồi thường phần diện tích đất 3.637,7m^2:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Tại thời điểm giải quyết tố cáo, thực chất là khiếu nại của ông Bùi Hữu T thì Chủ tịch UBND quận H đã làm việc với ông Bùi Hữu T và Công ty TNHH P về việc chuyển nhượng diện tích đất đầm giữa hai bên. Theo Biên bản chuyển nhượng diện tích đầm 7.830m^2 được lập ngày 28/11/2016 giữa ông Bùi Hữu T, bà Hoàng Thị T2 với Công ty TNHH P (do bà Nguyễn Thị H1 làm đại diện) là giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; vợ chồng ông T, bà T2 thừa nhận có ký Biên bản chuyển nhượng đầm ngày 28/11/2016, thừa nhận đã nhận số tiền 650.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là tiền đền bù cá và hoa màu, không phải tiền bán đầm, đồng thời thừa nhận đã nhận từ Công ty TNHH P 01 ki ốt tại chợ đầu mối thông qua hợp đồng thuê được ký giữa hai bên và vợ chồng ông bà đã sang nhượng lại cho người khác lấy 170.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng ông T, bà T2 đã nhận số tiền là 650.000.000 đồng và nhận quyền sử dụng 01 ki ốt tại Chợ của Công ty TNHH P (đây là những nội dung đã được hai bên thỏa thuận trong Biên bản chuyển nhượng đầm ngày 28/11/2016); nghĩa là có việc các bên đã thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến việc chuyển nhượng diện tích đất đầm theo Biên bản chuyển nhượng diện tích đầm 7.830m^2 lập ngày 28/11/2016 giữa ông Bùi Hữu T, bà Hoàng Thị T2 với Công ty TNHH P.

Việc xác định có hay không có giao dịch chuyển nhượng diện tích đất đầm giữa ông Bùi Hữu T, bà Hoàng Thị T2 với Công ty TNHH P1 để lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Hữu T khi Nhà nước thu hồi đất. Tại Biên bản thu thập hồ sơ, chứng cứ xác minh nội dung tố cáo của ông Bùi Hữu T do UBND phường S lập ngày 16/9/2019 thì Công ty TNHH P đã có ý kiến đề nghị việc tranh chấp mua bán đất của các bên cần được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền nhưng

không được chấp nhận; việc Chủ tịch UBND quận H tự mình xác định Biên bản chuyển nhượng ngày 28/11/2016 giữa ông Bùi Hữu T, bà Hoàng Thị T2 với Công ty TNHH P không đủ điều kiện để làm căn cứ xem xét đề nghị của Công ty TNHH P1 vượt quá thẩm quyền theo quy định của pháp luật dẫn đến việc UBND quận H ban hành Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 về việc bổ sung phương án bồi thường cho hộ ông Bùi Hữu T là chưa đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu T; chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH P về việc huỷ Kết luận tố cáo số 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H là có căn cứ pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông Bùi Hữu T không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ; do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Hữu T về việc buộc UBND quận H thực hiện Kết luận tố cáo số 1359/KL-TC ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm không tuyên rõ buộc UBND quận H trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Bản án sơ thẩm đã tuyên huỷ Kết luận tố cáo 1359/KL-CT ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND quận H; huỷ Quyết định 2347/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND quận H về việc phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với Phương án bồi thường điều chỉnh, bổ sung ngày 06/11/2019 của hộ ông Bùi Hữu T; tuyên hủy một phần Quyết định số 104a/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với Phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đầm 3.673,7m^2 ngày 20/10/2017 của hộ gia đình ông Bùi Hữu T và bản án sơ thẩm cũng đã tuyên buộc UBND quận H thực hiện việc lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện xây dựng Dự án chợ đầu mối rau, quả tại phường S đối với hộ gia đình ông Bùi Hữu T. Như vậy, các yêu cầu bồi thường của gia đình ông Bùi Hữu T do UBND quận H xem xét, giải quyết lại theo quyết định của bản án sơ thẩm nên kháng cáo của ông Bùi Hữu T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Hữu T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Bùi Hữu T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Hữu T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2023/HC–ST, ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Hữu T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hải Phòng;*
- *VKSND TP Hải Phòng;*
- *Cục THADS TP Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng